TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – TP.HCM** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1227**/2026/QĐST-HNGĐ	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
****

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1155/2026/TLST-VHNGĐ ngày 15/6/2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Người yêu cầu: Bà **Huỳnh Thị Tố N**, sinh năm: 16/10/1989; CCCD: 080189004986; Địa chỉ: 7 ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người yêu cầu: Ông **Nguyễn Chí H**, sinh năm: 21/10/1991; CCCD: 027091000143; Địa chỉ: Nhà không số ấp B, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc các đương sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn được thể hiện tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18 tháng 6 năm 2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Tố N và ông Nguyễn Chí H thuận tình ly hôn với nhau.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Tố N và ông Nguyễn Chí H chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn 275 Quyển số 02/2014 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố Hồ Chí

Minh) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/12/2014 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: Bà Huỳnh Thị Tố N và ông Nguyễn Chí H xác nhận chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 10/01/2010 và Nguyễn Đăng T, sinh ngày 01/02/2012. Hiện các con chung đang ở với ông Nguyễn Chí H.

Bà Huỳnh Thị Tố N và ông Nguyễn Chí H cùng thỏa thuận thống nhất giao 02 con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 10/01/2010 và Nguyễn Đăng T, sinh ngày 01/02/2012 cho ông Nguyễn Chí H tiếp tục nuôi dưỡng.

Bà Huỳnh Thị Tố N và ông Nguyễn Chí H tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Huỳnh Thị Tố N có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3 Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Tố N và ông Nguyễn Chí H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung và các vấn đề khác: Bà Huỳnh Thị Tố N và ông Nguyễn Chí H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.5 Về lệ phí: Bà Huỳnh Thị Tố N và ông Nguyễn Chí H chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà N, ông H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0034105 ngày 01/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N, ông H đã nộp đầy đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 34 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP . HCM (1);
- VKSND KV10-TP . HCM (2);
- THADS TP . HCM (1);
- UBND P. Bình Hưng Hòa, TP . HCM (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ, VP (2).

THẨM PHÁN

Trần Thị Hồng Cẩm